

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 01-9-2020.

“V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phan Thành Nhân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lực.

2. Bà Chung Thị Thu Nguyệt.

- Thư ký phiên toà: Ông Võ Thanh Tòng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2020/TLST-HNGĐ ngày 17/6/2020 về việc “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc G, sinh năm 1986; Địa chỉ: Số 495, ấp H, xã TK, huyện L, tỉnh Đ; Chỗ ở hiện nay: Số 313, đường Lê Văn N, xã Mỹ P, thành phố M, tỉnh T. (có mặt)

- Bị đơn: Anh Đào Văn P, sinh năm 1983; Địa chỉ: Số 495, ấp H, xã TK, huyện L, tỉnh Đ. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 15/5/2020, Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 21/7/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn Trần Thị Ngọc G trình bày:

Về hôn nhân: Vào khoảng năm 2005, chị G và anh Đào Văn P quen biết nhau, sau khi tìm hiểu được vài ba tháng và quyết định tiến đến hôn nhân nên được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới. Đến ngày 29/3/2006, chị G và anh P đến Ủy ban nhân dân xã TK, huyện L để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 10/2018 thì giữa chị G với anh P phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình cả hai không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra cự cãi với nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Thậm chí, anh P thường xuyên uống rượu và mỗi lần anh P uống rượu thì về nhà đập phá đồ đạc và đánh cháu Đào Gia B. Đến khoảng tháng 07/2017, chị G và anh P đã sống ly thân với nhau cho đến nay. Đến tháng 10/2018, chị G đã dẫn cháu Đào Gia B đến sinh sống và làm việc tại số 313, đường Lê Văn N, xã Mỹ P, thành phố M, tỉnh T (Quán com gà NT). Trong thời gian này, anh P chỉ chở cháu Đào Thị Trâm A đến cho cháu Trâm A thăm chị G, còn giữa chị G với anh P cả hai không còn qua lại, quan tâm nhau. Hiện nay, tình cảm vợ chồng giữa chị G và anh P đã không còn, không ai còn quan tâm đến ai nữa, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị G yêu cầu được ly hôn với anh P.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Trần Thị Ngọc G với anh Đào Văn P có 02 người con chung tên Đào Thị Trâm A, sinh ngày 24/02/2009 và Đào Gia B, sinh ngày 04/6/2011. Hiện nay, cháu Trâm A đang do anh Đào Văn P trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Gia B đang do chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Chị G đồng ý giao cháu Trâm A cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng và chị G không phải cấp dưỡng cho cháu Trâm A; chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Gia B và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng cho cháu Gia B.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Trần Thị Ngọc G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị G tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

- Tại phiên tòa bị đơn Đào Văn P trình bày:

Về hôn nhân: Anh Giàu thống nhất với ý kiến trình bày của chị Trần Thị Ngọc G về tình trạng hôn nhân là anh P với chị G có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Trong thời gian chung sống, anh P với chị G cũng có những mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cự cãi với nhau làm cho cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc như lúc đầu. Đến khoảng cuối năm 2018, chị G dẫn cháu Gia B bỏ nhà đi và từ đó anh P với chị G đã sống ly thân với nhau đến nay. Do vậy, anh P đồng ý ly hôn với chị G.

Về con chung: Anh P thống nhất với ý kiến trình bày của chị Trần Thị Ngọc G là trong thời gian chung sống, anh P với chị G có 02 người con chung tên Đào Thị Trâm A, sinh ngày 24/02/2009 và Đào Gia B, sinh ngày 04/6/2011. Hiện nay, cháu Trâm A đang do anh P trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Gia B đang do chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Anh P đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trâm A và không yêu cầu chị G phải cấp dưỡng cho cháu Trâm A; Anh P đồng

ý giao cháu Gia B cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng và đồng ý yêu cầu không phải cấp dưỡng cho cháu Gia B.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh P thống nhất với ý kiến trình bày của chị Trần Thị Ngọc G là không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:*

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng:

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã không chấp hành sự triệu tập của Tòa án để tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa lần thứ nhất theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua phát biểu tranh luận và trên cơ sở phân tích, đánh giá chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa nguyên đơn Trần Thị Ngọc G với bị đơn Đào Văn P;

+ Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn Trần Thị Ngọc G với bị đơn Đào Văn P về con chung: Giao cháu Đào Thị Trâm A, sinh ngày 24/02/2009 cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Đào Gia B, sinh ngày 04/6/2011 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng; Chị G không yêu cầu anh P có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Gia B và anh P không yêu cầu chị G có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Trâm A.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền của Tòa án: Xét thấy, nguyên đơn Trần Thị Ngọc G có đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn và tranh chấp về nuôi con với bị đơn Đào Văn P, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; đồng thời, bị đơn Đào Văn P có nơi cư trú tại số 495, ấp H, xã TK, huyện L, tỉnh Đ, cho nên Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu và phạm vi khởi kiện: Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc G yêu cầu được ly hôn với anh Đào Văn P; Về con chung: Chị G đồng ý giao cháu Đào Thị Trâm A, sinh ngày 24/02/2009 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng và chị G không phải cấp dưỡng cho cháu Trâm A; chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Đào Gia B, sinh ngày 04/6/2011 và không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng cho cháu Gia B; Về tài sản chung và nợ chung: Chị G không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, về hôn nhân: Anh P đồng ý ly hôn với chị G; đồng ý tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trâm A và không yêu cầu chị G cấp dưỡng cho cháu Trâm A; đồng ý giao cháu Gia B cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng và đồng ý yêu cầu không phải cấp dưỡng cho cháu Gia B; Về tài sản chung và nợ chung: Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Vấn đề này, Hội đồng xét xử đánh giá như sau:

[3.1] Về hôn nhân: Nguyên đơn Trần Thị Ngọc G và bị đơn Đào Văn P kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TK, huyện L vào ngày 29/3/2006 theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, chị G với anh P đã tự nguyện thuận tình ly hôn, thỏa thuận về con chung và tài sản chung. Xét thấy, chị G và anh P đã thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận về tài sản chung, việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con. Đồng thời, sự thỏa thuận của chị G và anh P là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội. Cho nên, Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3.2] Về con chung: Nguyên đơn Trần Thị Ngọc G và bị đơn Đào Văn P thống nhất về con chung là trong thời gian chung sống, chị G với anh P có 02 người con chung tên Đào Thị Trâm A, sinh ngày 24/02/2009 và Đào Gia B, sinh ngày 04/6/2011. Hiện nay, cháu Trâm A đang do anh P trực tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Gia B đang do chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, chị G và anh P thống nhất giao cháu Trâm A cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Gia B cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng và chị G với anh P không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc thỏa thuận của chị G với anh P về người trực tiếp nuôi con, cũng như nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con trên cơ sở đảm bảo được quyền lợi của các con là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Thị Ngọc G và bị đơn Đào Văn P đều thống nhất là không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[5] Từ những phân tích nêu trên cho thấy, phát biểu về việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: Tại phiên tòa, nguyên đơn Trần Thị Ngọc G tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, sự tự nguyện của nguyên đơn không vi phạm điều cấm của luật. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện là phù hợp với quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Trần Thị Ngọc G và bị đơn Đào Văn P có mặt tại phiên tòa, nên có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự được quy định tại các điều 271, 272 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn và nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 26 và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Ngọc G với anh Đào Văn P.

2. Công nhận sự thỏa thuận của chị Trần Thị Ngọc G với anh Đào Văn P cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Chị Trần Thị Ngọc G và anh Đào Văn P cùng đồng ý thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung:

- Giao con chung tên Đào Thị Trâm A, sinh ngày 24/02/2009 cho anh Đào Văn P trực tiếp nuôi dưỡng (Cháu Trâm A hiện đang do anh P nuôi dưỡng). Anh Đào Văn P không yêu cầu chị Trần Thị Ngọc G có nghĩa vụ đóng góp (Cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu Đào Thị Trâm A.

- Giao con chung tên Đào Gia B, sinh ngày 04/6/2011 cho chị Trần Thị Ngọc G trực tiếp nuôi dưỡng (Cháu Gia B hiện đang do chị G nuôi dưỡng). Chị

Trần Thị Ngọc G không yêu cầu anh Đào Văn P có nghĩa vụ đóng góp (Cấp dưỡng) nuôi con chung là cháu Đào Gia B.

Anh Đào Văn P và chị Trần Thị Ngọc G được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh Đào Văn P và chị Trần Thị Ngọc G cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở. Anh Đào Văn P và chị Trần Thị Ngọc G không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.3. Về tài sản và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về án phí và tạm ứng án phí: Chị Trần Thị Ngọc G tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà chị G đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số BI/2019/0005766 ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Chị G đã thực hiện xong.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Trần Thị Ngọc G và bị đơn Đào Văn P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lấp Vò;
- Chi cục THADS huyện Lấp Vò;
- UBND xã TK¹;
- Các đương sự;
- Lưu: HSV, VT (Nh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thành Nhân

¹ Đăng ký kết hôn ngày 29/3/2006; Số 42; Quyền số 01/2006.